

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4221/STC-TCĐP

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2025

V/v xây dựng, thẩm định, ban hành
định mức kinh tế kỹ thuật và phương
pháp định giá sản phẩm, dịch vụ
công sử dụng ngân sách nhà nước

Kính gửi: - Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND
Thành phố

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy
định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 47/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công
Thương quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ
thuật về dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trong lĩnh
vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ
Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2021 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế
- kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
quản lý;

Căn cứ Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01/12/2022 của Bộ Giao
thông vận tải về việc hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự
nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao
thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BTTTT ngày 14/6/2024 của Bộ Thông tin
và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh
tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực
báo chí thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính quy
định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định
giá;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ Giáo dục
và Đào tạo về việc quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế -
kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo;



Sở Tài chính tổng hợp một số nội dung cơ bản về việc xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và phương pháp định giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, đề nghị các Sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố nghiên cứu để triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

A. XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. Giải thích từ ngữ:

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật là mức hao phí cần thiết về lao động, phương tiện, máy móc, thiết bị, cơ sở vật chất, vật tư, vật liệu và các hao phí khác (nếu có) để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công trong điều kiện cụ thể.

2. Định mức lao động là mức hao phí về sức lao động cần thiết của người lao động theo chuyên môn nghiệp vụ để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công.

3. Định mức phương tiện, máy móc, thiết bị là mức tiêu hao về số lượng và thời gian sử dụng đối với từng loại phương tiện, máy móc, thiết bị cần thiết để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công.

4. Định mức cơ sở vật chất là thời gian sử dụng và diện tích sử dụng đối với từng loại cơ sở vật chất để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công.

5. Định mức vật tư, vật liệu là mức tiêu hao từng loại nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu cần thiết để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công.

II. Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật:

1. Định mức được xây dựng trên cơ sở thực tiễn tổ chức sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; đảm bảo tính ổn định trong thời gian nhất định, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

2. Khi có sự thay đổi công nghệ, quy định pháp luật hoặc không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn thì định mức phải được điều chỉnh hoặc xây dựng mới.

3. Bảo đảm tính đúng, tính đủ các hao phí cần thiết để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định hiện hành.

4. Được xây dựng theo từng sản phẩm, dịch vụ riêng hoặc nhóm các sản phẩm, dịch vụ tương đồng về nội dung, quy trình thực hiện, giống nhau về tính chất, trình tự thực hiện các hạng mục công việc của sản phẩm, dịch vụ công; nhóm dịch vụ này do cơ quan chủ trì xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật xác định và phải thuyết minh rõ trong quá trình xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật.

III. Phương pháp xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật:

1. Phương pháp thống kê, tổng hợp là phương pháp căn cứ số liệu thống kê hàng năm hoặc trong các kỳ báo cáo (số liệu thống kê phải đảm bảo độ tin cậy, tính pháp lý trong thời gian tối thiểu ba năm liên tục liên kế thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật) và dựa vào kinh nghiệm thực tế hoặc các thông số so sánh để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

2. Phương pháp so sánh là phương pháp căn cứ vào các định mức của công việc, sản phẩm, dịch vụ tương đương đã có hoặc đã thực hiện trong thực tế để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

3. Phương pháp tiêu chuẩn là phương pháp căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao máy móc, thiết bị, vật tư để xây dựng định mức lao động, định mức máy móc, thiết bị, vật tư cho từng công việc hoặc nhóm công việc.

4. Phương pháp phân tích thực nghiệm là phương pháp tổ chức khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc được tiến hành trong điều kiện tổ chức - kỹ thuật hiện tại của đơn vị, căn cứ kết quả khảo sát, thực nghiệm để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức.

5. Phương pháp tổng hợp là phương pháp kết hợp trong số các phương pháp nêu trên.

IV. Nội dung định mức kinh tế kỹ thuật:

Định mức kinh tế - kỹ thuật gồm các nội dung chính như sau:

1. Hướng dẫn áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm: phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng; điều kiện áp dụng; các yếu tố tự nhiên - xã hội và các điều kiện khác liên quan đến thực hiện công việc để xác định hệ số điều chỉnh tương ứng với các mức khó khăn so với điều kiện áp dụng (trong trường hợp cần thiết).

2. Nội dung công việc: liệt kê mô tả nội dung công việc, các thao tác cơ bản, thao tác chính để thực hiện công việc từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc để thực hiện một sản phẩm, dịch vụ công.

3. Định mức hao phí: là các hao phí cần thiết để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của sản phẩm, dịch vụ công.

V. Trình tự xây dựng nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Trình tự xây dựng nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các bước sau:

1. Bước 1: Xác định tên, thành phần công việc và đơn vị tính

a) Mỗi định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công phải thể hiện rõ tên, loại dịch vụ, yêu cầu chất lượng (nếu có), biện pháp thực hiện, điều kiện thực hiện và đơn vị tính của định mức;

b) Thành phần công việc cần thể hiện các bước thực hiện công tác theo quy trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công từ khi chuẩn bị đến khi hoàn thành, phù hợp với điều kiện, biện pháp và phạm vi thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

2. Bước 2: Xác định các hao phí

Việc xác định các hao phí của định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện theo hướng dẫn tại mục VI.

3. Bước 3: Tổng hợp kết quả xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

Trên cơ sở hao phí của từng công đoạn, từng bước công việc, tổng hợp định mức theo nhóm, loại công việc; thực hiện mã hoá thống nhất trên cơ sở tổng hợp các khoản mục hao phí, gồm các nội dung:

- a) Tên định mức; đơn vị tính của định mức; mã hiệu định mức;
- b) Hướng dẫn áp dụng;
- c) Nội dung công việc;
- d) Các thành phần hao phí của định mức và trị số định mức;
- đ) Các ghi chú, chỉ dẫn khác (nếu có).

VI. Xác định hao phí của định mức kinh tế - kỹ thuật

Áp dụng một hoặc đồng thời các phương pháp được quy định tại mục III để xây dựng các định mức thành phần như sau:

1. Định mức lao động:

- a) Xác định thành phần hao phí:

Hao phí lao động gồm hao phí lao động trực tiếp và hao phí lao động gián tiếp từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc tính cho một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công; được quy đổi ra ngày công hoặc giờ công.

- Hao phí lao động trực tiếp được xác định trên số lượng lao động, năng lực, trình độ chuyên môn, vị trí việc làm phù hợp với từng nội dung công việc cần thực hiện để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công.

Để thuyết minh cơ sở xác định mức hao phí lao động trực tiếp, đơn vị xây dựng định mức cần liệt kê các thao tác, công việc cơ bản phải thực hiện; xác định thời gian lao động trực tiếp và xác định số lượng và năng lực, trình độ chuyên môn, vị trí việc làm phù hợp với từng nội dung công việc cần thực hiện để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công.

- Hao phí lao động gián tiếp (quản lý, phục vụ,...) được tính theo tỷ lệ phần trăm của lao động trực tiếp.

- b) Xác định mức hao phí:

Hao phí lao động được phân tích, tính toán trên cơ sở: các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, quy trình dịch vụ, số liệu thống kê, khảo sát.

Trường hợp cần quy đổi ra giờ công, công thức tính hao phí lao động theo giờ công như sau:

$$HPLĐ = (tđm \times Kcđ) \times (1/8)$$

tđm: là định mức thời gian giờ công trực tiếp cho một đơn vị khối lượng công việc;

Kcđ: hệ số chuyển đổi (nếu có);

(1/8): là hệ số chuyển từ định mức ngày công sang định mức giờ công

2. Định mức phương tiện, máy móc, thiết bị:

a) Xác định thành phần hao phí:

Thành phần hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị được xác định theo yêu cầu của quy trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và yêu cầu thực tế để hoàn thành một đơn vị dịch vụ. Thành phần hao phí bao gồm:

- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị chính là hao phí các loại phương tiện, máy móc, thiết bị chủ yếu, chiếm tỷ trọng chi phí lớn và bắt buộc phải sử dụng trong quá trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị khác là hao phí các loại phương tiện, máy móc, thiết bị chiếm tỷ trọng nhỏ trong quá trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, được tính theo tỷ lệ phần trăm của phương tiện, máy móc, thiết bị chính.

Các bước xác định thành phần hao phí gồm:

- + Xác định chủng loại phương tiện, máy móc, thiết bị;
- + Xác định thông số kỹ thuật cơ bản của phương tiện, máy móc, thiết bị;
- + Xác định thời gian sử dụng từng chủng loại phương tiện, máy móc, thiết bị;
- + Tổng hợp định mức phương tiện, máy móc, thiết bị.

b) Xác định mức hao phí:

- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị là thời gian cần thiết đối với từng loại phương tiện, máy móc, thiết bị để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công.

- Hao phí phương tiện, máy móc, thiết bị được xác định trên cơ sở: các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình kỹ thuật, quy trình dịch vụ, số liệu thống kê, khảo sát.

3. Định mức vật tư, vật liệu:

a) Xác định thành phần hao phí:

Thành phần hao phí vật tư, vật liệu được xác định theo yêu cầu của quy trình thực hiện thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, yêu cầu thực tế để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công. Thành phần hao phí bao gồm:

- Vật tư, vật liệu chính: là các loại vật tư, vật liệu chủ yếu, bắt buộc phải sử dụng trong quá trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và chiếm tỷ trọng chi phí lớn.

- Vật tư, vật liệu phụ: là các loại vật tư, vật liệu tiêu hao trong quá trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công và chiếm tỷ trọng chi phí nhỏ, được tính theo tỷ lệ phần trăm của vật tư, vật liệu chính.

Các bước xác định thành phần hao phí gồm:

- Xác định chủng loại vật tư;

- Xác định số lượng/khối lượng theo từng loại vật tư: Căn cứ vào chủng loại thiết bị, thời gian máy chạy có tải (tiêu hao vật tư);
- Xác định tỷ lệ (%) thu hồi vật tư: Căn cứ vào đặc điểm, tính chất của vật tư để tính tỷ lệ (%) thu hồi;
- Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư: Mô tả thông số kỹ thuật của từng loại vật tư.

b) Xác định mức hao phí:

Hao phí vật tư, vật liệu được tính toán cụ thể cho từng chủng loại vật tư, vật liệu để hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công và được xác định trên cơ sở:

- Mức sử dụng hoặc mức tiêu hao vật tư, vật liệu theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và thông số kỹ thuật của phương tiện, máy móc, thiết bị được sử dụng trong quá trình thực hiện dịch vụ.
- Số liệu thống kê, khảo sát về sử dụng vật tư, vật liệu hoàn thành một sản phẩm, dịch vụ công hoặc một khối lượng công việc của dịch vụ công.

VII. Trình tự xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật:

1. Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật:

- a) Căn cứ vào Danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân được giao xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng sản phẩm, dịch vụ công;
- b) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thành lập ban soạn thảo để thực hiện;
- c) Lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- d) Hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật. Hồ sơ bao gồm các nội dung cơ bản: tờ trình; dự thảo định mức kinh tế - kỹ thuật; báo cáo tổng kết thực tiễn; báo cáo thuyết minh về phương pháp xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật và các tài liệu liên quan khác.

2. Thẩm định, trình ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

Cơ quan có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật giao nhiệm vụ cho 01 đơn vị chuyên môn chủ trì thẩm định hoặc thành lập Hội đồng thẩm định (trong trường hợp cần thiết) để thẩm định.

Đơn vị xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến thẩm định và gửi đơn vị chuyên môn chủ trì thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành.

B. PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

I. Nguyên tắc định giá sản phẩm, dịch vụ công:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 22 Luật Giá năm 2023 quy định:

“1. Nguyên tắc định giá của Nhà nước được quy định như sau:

- a) *Bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh hợp lý, hợp lệ; lợi nhuận (nếu có) hoặc tích lũy theo quy định của pháp luật (nếu có) phù hợp với mặt bằng thị*

trường; bảo đảm phù hợp với cung cầu hàng hóa, dịch vụ, điều kiện thị trường tại thời điểm định giá và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ;

b) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng;

c) Xem xét, điều chỉnh giá khi các yếu tố hình thành giá thay đổi.”.

2. Căn cứ Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập:

“Điều 5. Giá, phí dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

1. Giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức kinh tế-kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại khoản 3 Điều này, trong đó:

a) Chi phí tiền lương trong giá dịch vụ sự nghiệp công tính theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp lương theo chế độ quy định đối với đơn vị sự nghiệp công hoặc tính theo mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước; định mức lao động do các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

b) Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá dịch vụ sự nghiệp công do cấp có thẩm quyền quy định.

2. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước được xác định theo quy định của pháp luật về giá hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề.”

3. Về định mức kinh tế kỹ thuật:

- Đối với sản phẩm, dịch vụ công đã có định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì áp dụng theo định mức kinh tế kỹ thuật đã ban hành làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công.

- Đối với sản phẩm, dịch vụ công không xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở để xây dựng đơn giá: Căn cứ định mức chi phí hoặc mức bình quân chi phí hợp lý, hợp lệ thực hiện của 03 năm trước liền kề để xây dựng đơn giá.

II. Thẩm quyền ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công:

Theo quy định của Luật Giá năm 2023, thẩm quyền ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước:

Giá sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể.

Ngoài ra, căn cứ Luật khám chữa bệnh năm 2023 và Luật Giáo dục quy định:

- Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh Nhà nước trên địa bàn quản lý thuộc phạm vi được phân quyền nhưng không được vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.

- Giá cụ thể với: Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập, Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập: Bộ Y tế định giá tối đa, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh định giá cụ thể

- Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục: Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành.

- Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp: Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành.

Căn cứ thẩm quyền nêu trên, Sở Tài chính đề nghị:

- Các sản phẩm, dịch vụ công đã có đơn giá: Thực hiện theo quy định hiện hành. Trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung thì các Sở, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố rà soát, tổng hợp trình UBND Thành phố phê duyệt điều chỉnh, bổ sung.

- Các sản phẩm, dịch vụ công chưa có đơn giá: Các Sở chuyên ngành chỉ đạo đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chủ động xây dựng trình Sở chuyên ngành thẩm định trình UBND Thành phố.

III. Phương pháp định giá sản phẩm, dịch vụ công:

Áp dụng phương pháp định giá dịch vụ quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

Phương pháp định giá dịch vụ quy định tại Chương II Thông tư số 45/2024/TT-BTC (quy định tại Điều 4, Điều 5) bao gồm phương pháp so sánh và phương pháp chi phí, cụ thể như sau:

1. Phương pháp so sánh: Là phương pháp định giá căn cứ vào kết quả phân tích, so sánh giữa mức giá và các đặc điểm kinh tế, kỹ thuật ảnh hưởng lớn đến mức giá của sản phẩm dịch vụ cần định giá với sản phẩm tương tự được giao dịch trên thị trường.

2. Phương pháp chi phí: Là phương pháp định giá căn cứ vào chi phí kinh doanh thực tế hợp lý, hợp lệ để xác định các yếu tố chi phí cấu thành giá.

Trong các khoản chi phí tính giá, khoản nào có trong định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, có chế độ chính sách của Nhà nước, có giá do Nhà nước quy định, có quy định pháp luật (về thuế, về kế toán, về thống kê và các pháp luật có liên quan), có quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo quy định của pháp luật thì tính theo các quy định đó. Đơn

vị có trách nhiệm thường xuyên rà soát quy chế chi tiêu nội bộ bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quy chế chi tiêu nội bộ của mình. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thường xuyên rà soát định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do mình ban hành để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với các chi phí, yếu tố tính giá liên quan đến nhiều hàng hóa, dịch vụ mà không thể tách riêng ra được thì cần tập hợp và phân bổ theo tiêu thức thích hợp như doanh thu, chi phí, số lượng, khối lượng, thời gian và các tiêu thức khác phù hợp với ngành, lĩnh vực và quy định của pháp luật liên quan của hàng hóa, dịch vụ. Trường hợp các chi phí, yếu tố tính giá có thời gian sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ, nhiều năm thì thực hiện phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh. Trường hợp các chi phí, yếu tố tính giá phát sinh trong nhiều kỳ, nhiều năm thì phải tập hợp số liệu của nhiều kỳ, nhiều năm để phân bổ.

IV. Xây dựng giá sản phẩm, dịch vụ công:

1. Rà soát, tổng hợp các yếu tố chi phí cấu thành giá dịch vụ:

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC quy định các yếu tố chi phí cấu thành giá gồm:

- Chi phí trực tiếp: Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, nhiên liệu, năng lượng trực tiếp.
- Chi phí nhân công trực tiếp.
- Chi phí khấu hao máy móc thiết bị trực tiếp.
- Chi phí quản lý hoặc chi phí chung.
- Chi phí bán hàng (nếu có).
- Chi phí tài chính (nếu có).

Theo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC quy định nội dung từng khoản chi phí được xác định cụ thể như sau:

a) Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

$$\text{Chi phí vật tư} = \text{Mức tiêu hao vật tư} \times \text{Giá vật tư}$$

- Mức tiêu hao vật tư: Căn cứ theo định mức kinh tế - kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tính chi phí vật tư.

- Đơn giá vật tư:

+ Đối với vật tư do Nhà nước định giá: Tính theo giá do Nhà nước quy định cộng chi phí lưu thông hợp lý (nếu có);

+ Đối với vật tư không thuộc đối tượng Nhà nước định giá: tính theo giá trên hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua (nếu có) và các khoản giảm trừ khác (nếu có), trường hợp không có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì xác định mức giá theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Thông tư 45/2024/TT-BTC cộng (+) chi phí hợp lý, hợp lệ để đưa vật tư về đến kho của đơn vị (nếu có). Trường hợp vật tư mua của hộ, cá nhân bán ra không có hóa đơn theo quy định của pháp luật về thuế thì phải lập

bảng kê thu mua hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn theo quy định của pháp luật về thuế.

b) Chi phí nhân công trực tiếp:

Chi phí tiền lương = Định mức lao động x Đơn giá tiền lương

- Định mức lao động xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Đơn giá tiền lương thực hiện theo quy định pháp luật về tiền lương và pháp luật có liên quan.

Riêng đơn giá tiền lương trong giá dịch vụ sự nghiệp công tính theo mức lương cơ sở, hệ số tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp lương theo chế độ quy định đối với đơn vị sự nghiệp công hoặc tính theo mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ và các khoản đóng góp theo tiền lương theo quy định của Nhà nước; định mức lao động do các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

Chi phí tiền công xác định trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thỏa thuận hợp pháp khác theo quy định pháp luật về lao động, pháp luật có liên quan, quy chế chi tiêu nội bộ đối với đơn vị phải ban hành quy chế chi tiêu nội bộ.

c) Chi phí khấu hao máy móc thiết bị, TSCĐ: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ và lộ trình kết cấu chi phí khấu hao vào giá dịch vụ sự nghiệp công do cấp có thẩm quyền quy định.

d) Chi phí quản lý:

- Các khoản phải trả cho cán bộ quản lý như tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ) của Ban Giám đốc, nhân viên quản lý các phòng, ban;

- Chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý;

- Chi phí đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý;

- Chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung: Nhà cửa làm việc của bộ phận quản lý, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị dùng trong văn phòng;

- Thuế, phí và lệ phí;

- Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác: Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác ngoài các chi phí đã nêu trên theo quy định của pháp luật.

e) Chi phí bán hàng (nếu có)

Bao gồm các chi phí hợp lý, hợp lệ trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ gồm:

- Chi phí phải trả cho nhân viên bán hàng, đóng gói, vận chuyển, bảo quản hàng hóa, dịch vụ bao gồm tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên theo quy định của Bộ luật Lao động, chế độ, chính sách của Nhà nước và pháp luật có liên quan;

- Chi phí vật tư, bao bì dùng cho việc đóng gói, bảo quản, vận chuyển, bốc vác, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm; vật tư dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng;

- Chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc;

- Chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định;

- Chi phí giới thiệu, bảo hành;

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng;

- Chi phí bằng tiền hợp lý, hợp lệ khác trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên theo quy định của pháp luật;

- Đối với hàng hóa, dịch vụ mua sắm thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước thì không được tính các khoản chi phí như: chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, chi phí hoa hồng môi giới và đại lý.

f) Chi phí tài chính

- Chi phí tài chính gồm chi phí trả lãi tiền vay liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cần xác định giá và phân chênh lệch tỷ giá (nếu có) trong quá trình mua vật tư, hàng hóa và được phân bổ cho đơn vị sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đó;

- Đối với hàng hóa, dịch vụ mua sắm thanh toán từ nguồn ngân sách nhà nước: trường hợp được ứng trước kinh phí thì không được tính chi phí trả lãi tiền vay tương ứng với phần kinh phí đã được ứng trước.

2. Xây dựng phương án giá, lộ trình điều chỉnh giá:

$$\text{Giá dịch vụ} = \text{Giá thành cung cấp dịch vụ} + \text{Lợi nhuận (nếu có)} + \text{Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có)}$$

Trong đó:

Giá thành hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá thành cung cấp dịch vụ} = \text{Giá thành cung cấp dịch vụ} + \text{Chi phí bán hàng (nếu có)} + \text{Chi phí quản lý (nếu có)} + \text{Chi phí tài chính (nếu có)}$$

Các chi phí cấu thành nên giá thành cung cấp dịch vụ được nêu chi tiết tại khoản 1 Mục IV Chương II nêu trên.

Căn cứ quy định pháp luật về giá và lộ trình tính giá sản phẩm, dịch vụ công quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước và mặt bằng giá thị trường, tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể giá dịch vụ sự nghiệp công theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành.

Để có thể xây dựng giá dịch vụ và lộ trình điều chỉnh giá theo quy định nêu trên, các Sở, đơn vị cung ứng dịch vụ, đơn vị sự nghiệp công lập cần:

- Xác định cụ thể chi phí tiền lương, chi phí trực tiếp; chi phí quản lý và chi phí khấu hao TSCĐ.

- Đánh giá thực trạng tình hình mức thu tại thời điểm hiện tại, mức thu hiện tại đã đảm bảo các loại chi phí nào (chi phí trực tiếp, nhân công,...), loại trừ chi phí ngân sách cấp để duy trì hoạt động;

- Dự kiến mức thu để ước tính tổng doanh thu đảm bảo đủ chi phí theo từng giai đoạn.

- Phân bổ chi phí cho các sản phẩm dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh nêu trên.

Trường hợp đơn vị đã có mức thu nhưng mức thu thấp có thể thực hiện điều chỉnh tăng theo tỷ lệ % của từng loại sản phẩm dịch vụ sao cho tổng doanh thu tất cả dịch vụ của Đơn vị đảm bảo chi phí cho từng giai đoạn theo lộ trình điều chỉnh nêu trên.

V. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đoàn thể, đơn vị sự nghiệp công lập:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập:

Rà soát, tổng hợp mức tiêu hao vật liệu, nhân công, hao phí máy móc, thiết bị, TSCĐ,... và các yếu tố chi phí thực tế thực hiện cấu thành giá dịch vụ tại đơn vị trong năm gần nhất cho từng loại dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước gửi Sở quản lý chuyên ngành xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí (trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và thẩm định phương án giá, lộ trình điều chỉnh giá cho từng loại dịch vụ sự nghiệp công.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Thành phố, trên cơ sở rà soát, tổng hợp các yếu tố chi phí đầu vào, đơn vị xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và phương án giá, lộ trình điều chỉnh giá cho từng loại dịch vụ sự nghiệp công trình UBND Thành phố phê duyệt.

2. Các Sở quản lý chuyên ngành:

Chủ trì phối hợp với UBND địa phương (đối với dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương) và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực quản lý xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí (trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và thẩm định phương án giá và lộ trình điều chỉnh giá cho từng loại dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố và HĐND Thành phố.

3. Sở Tài chính:

- Phối hợp cùng các Sở, ngành có liên quan trong quá trình xây dựng phương án giá và lộ trình điều chỉnh giá cho từng loại dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định của UBND Thành phố.

- Hướng dẫn và giải quyết vướng mắc trong quá trình triển khai công tác xây dựng khung giá hoặc phương án giá và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công.

Trên đây là một số nội dung cơ bản về việc xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật và phương pháp định giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước, đề nghị các cơ quan, đơn vị phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND Thành phố (để b/cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, TCĐP P. Hương.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Trung Thành

